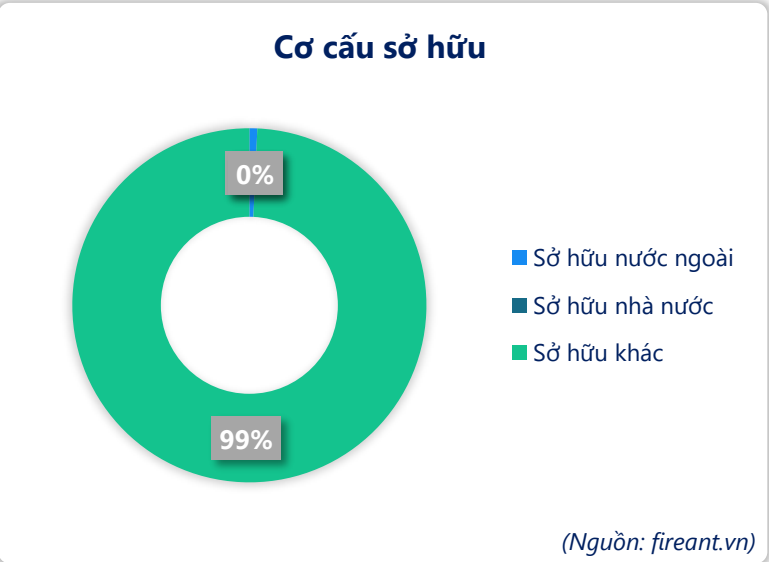
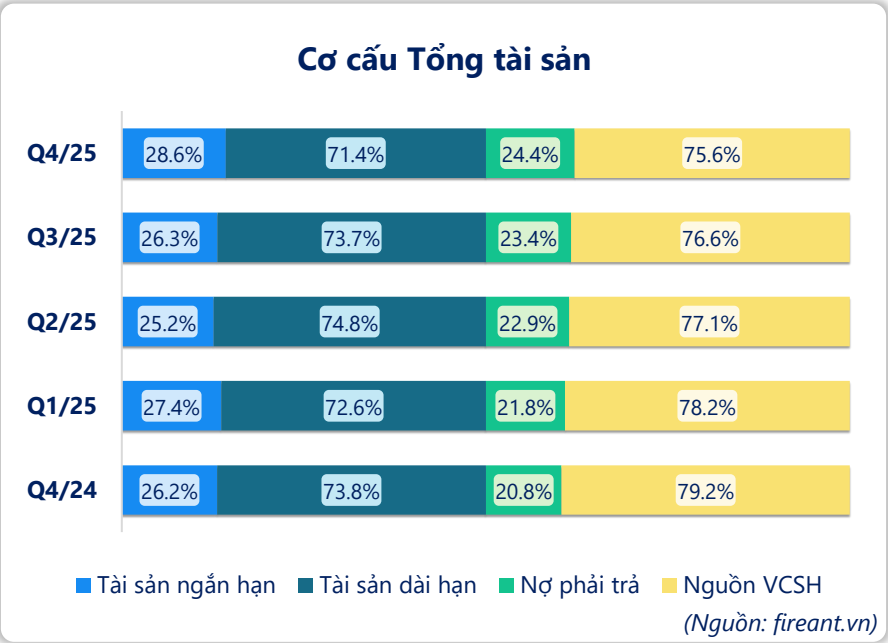
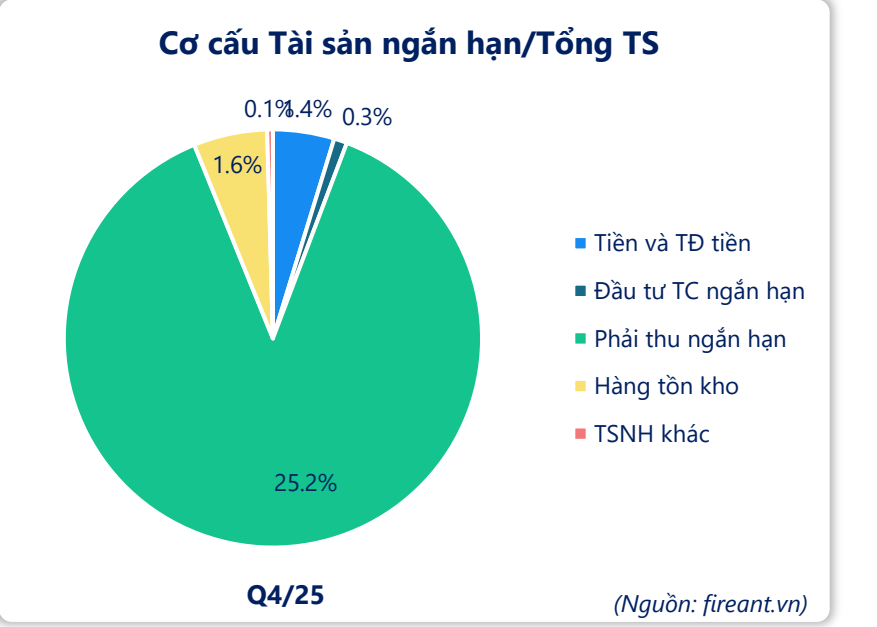
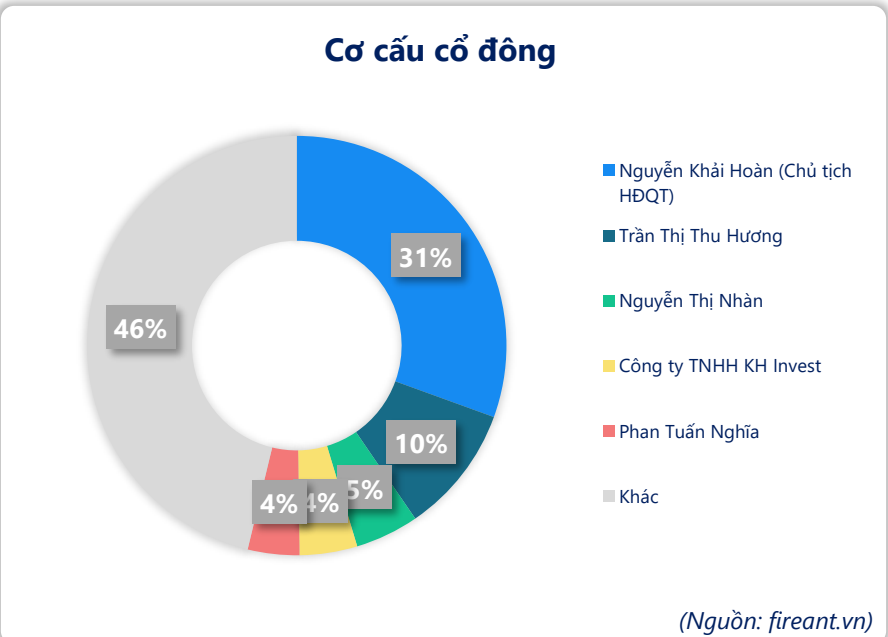
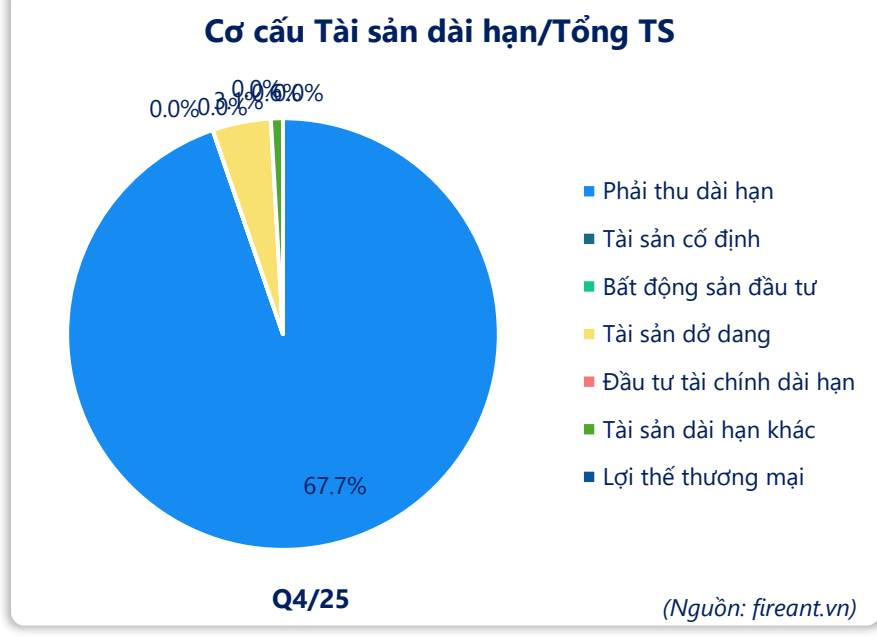
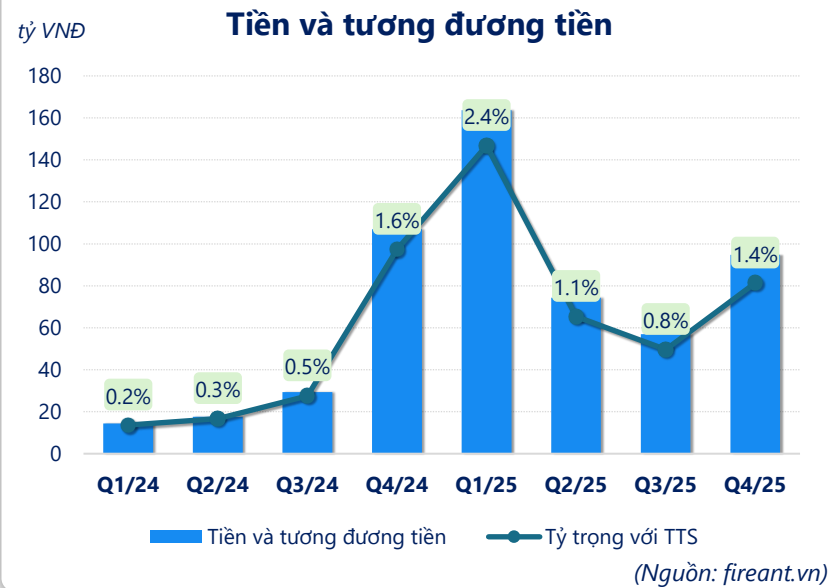
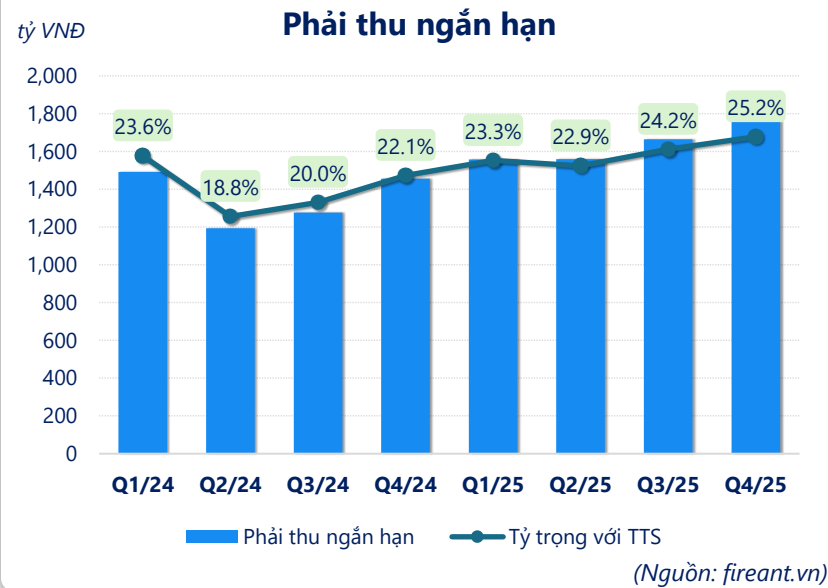
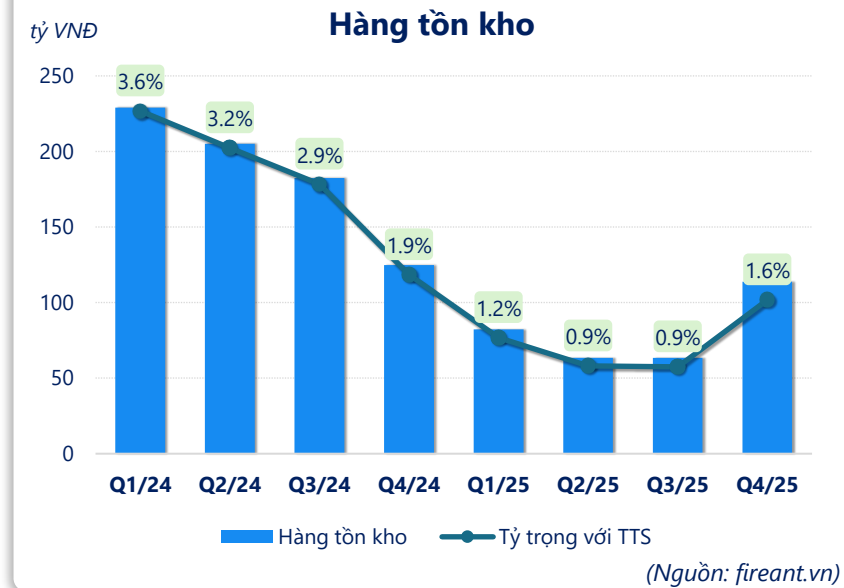
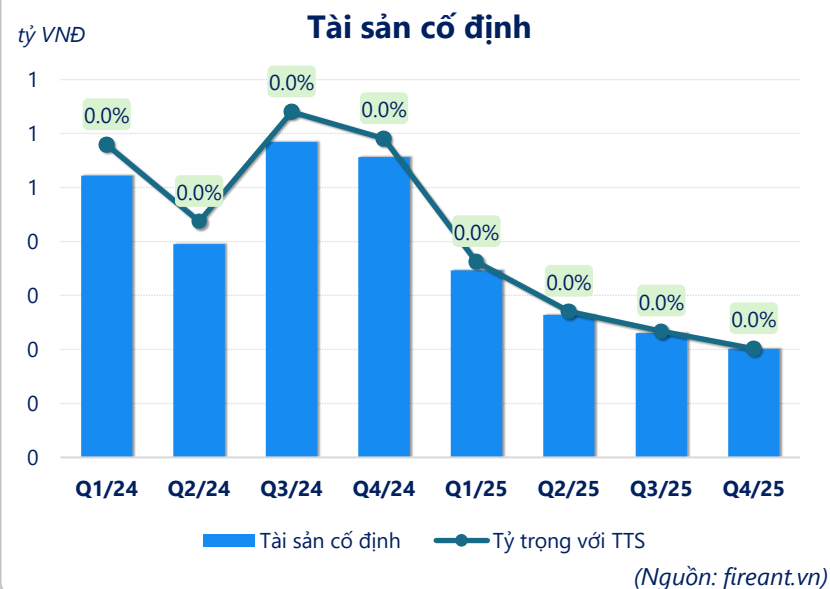
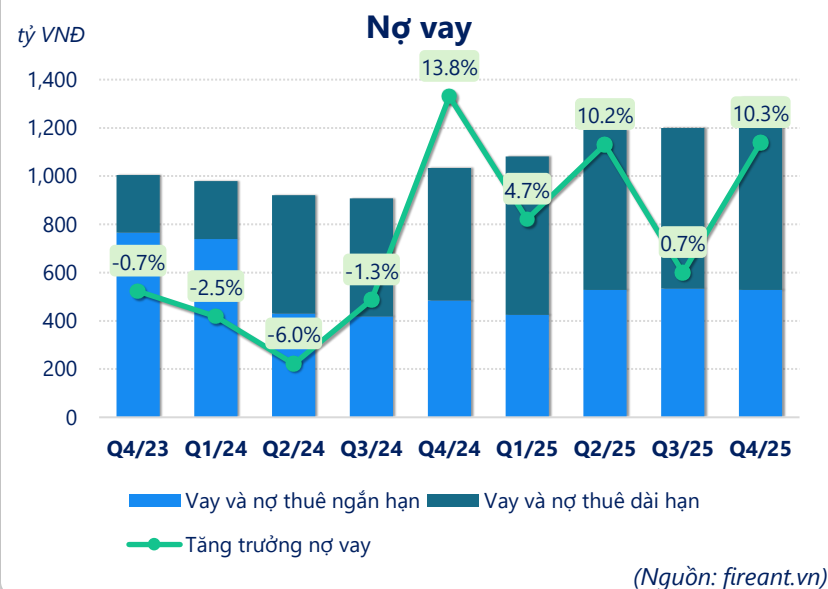
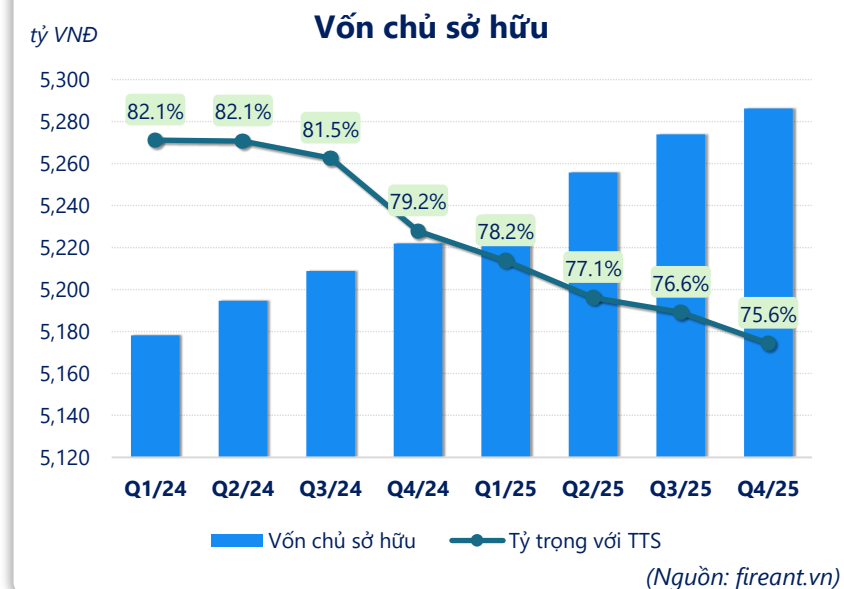
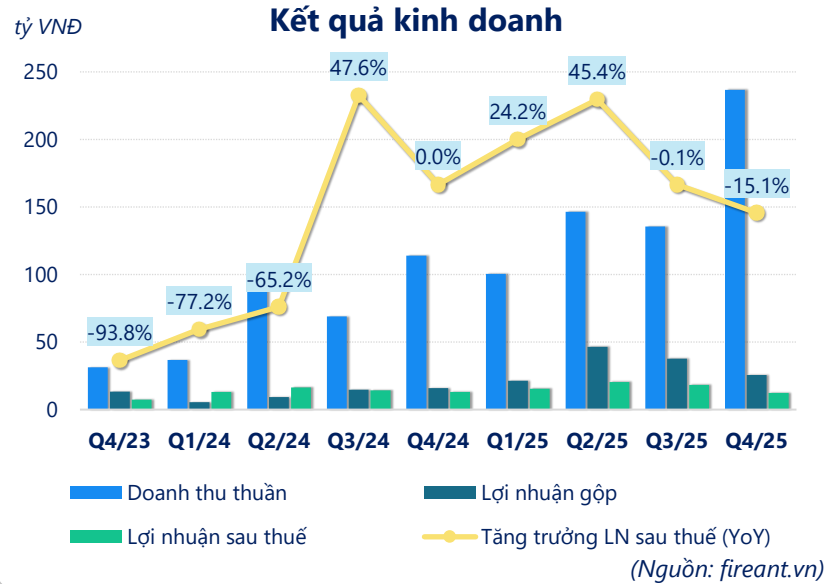
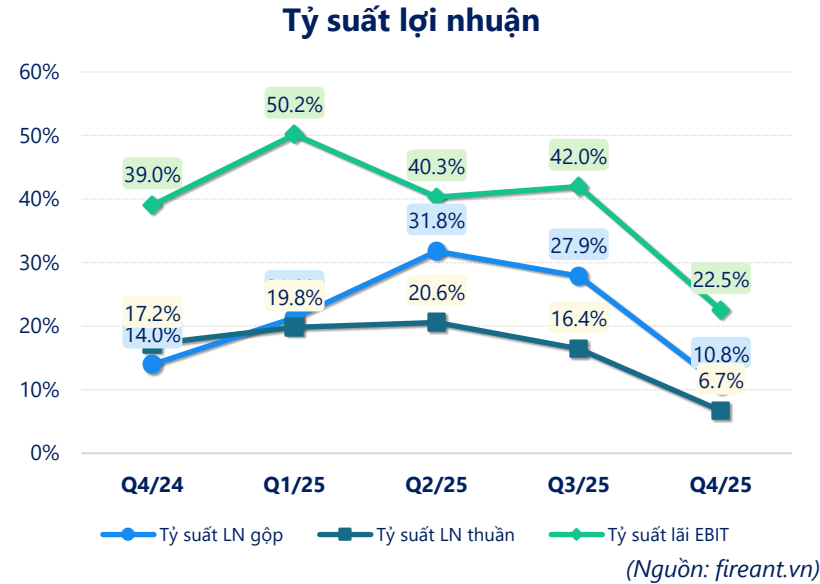
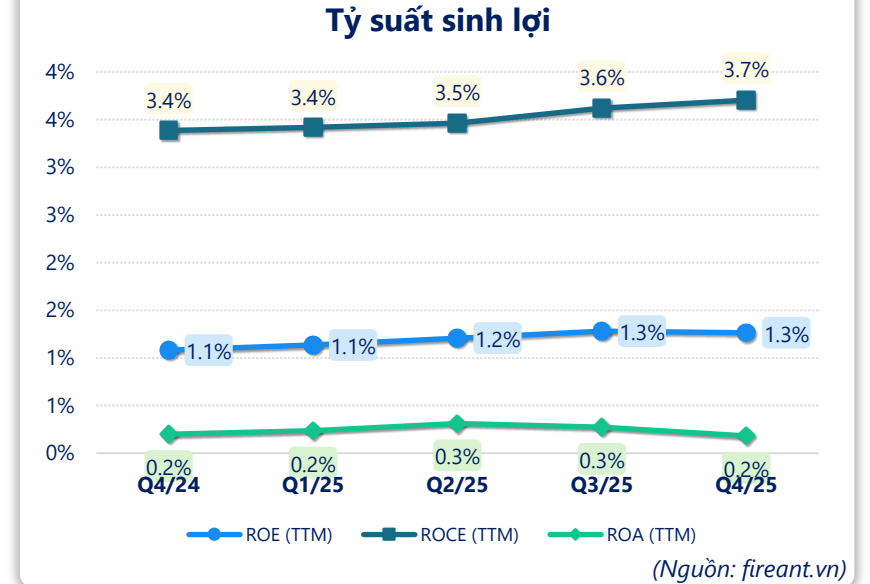
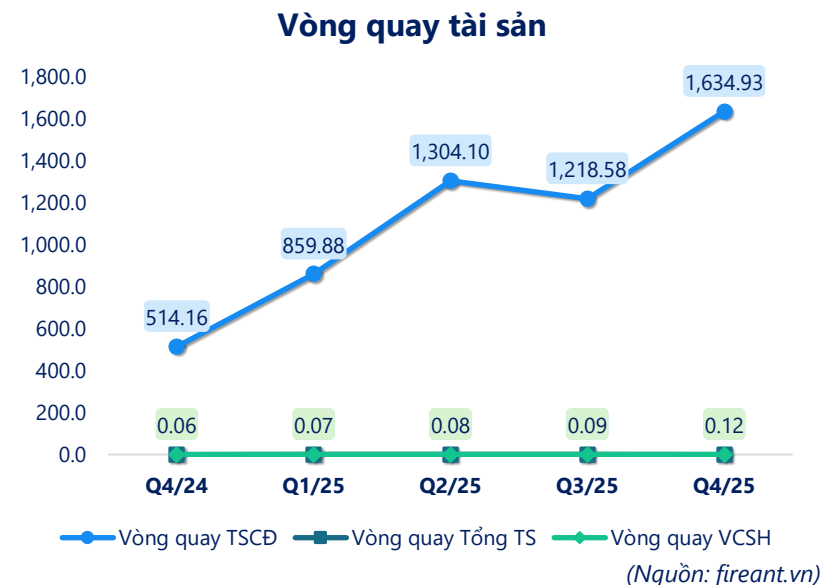
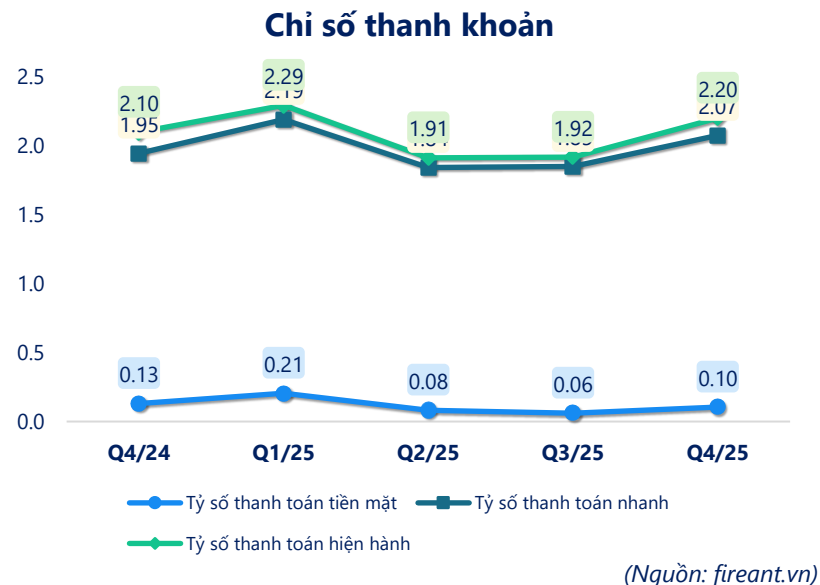
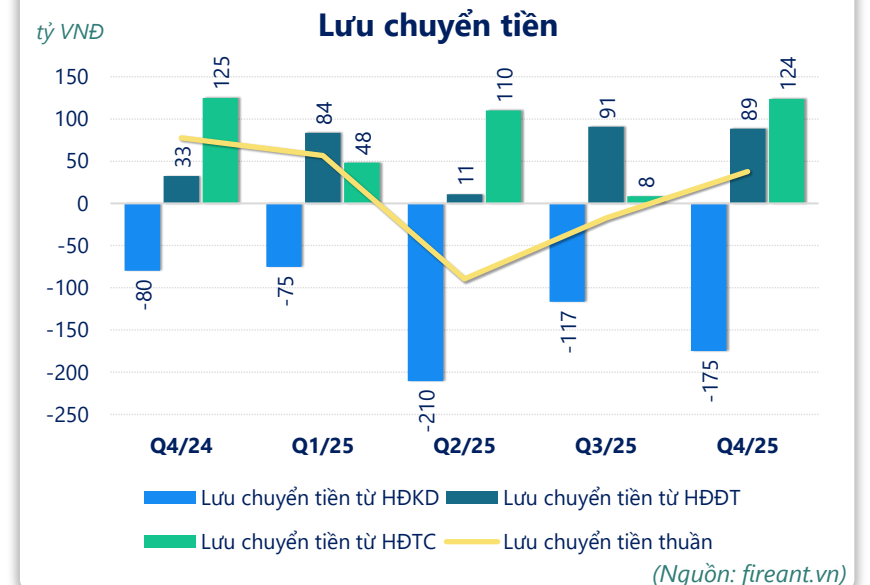


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,890
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,290,450
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,097
P/E		46.6
EPS		148

	YTD	1T	3T	6T
KHG	23.7%	-9.0%	1.5%	4.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,990	6,591	6.1%
Tài sản ngắn hạn	1,997	1,726	15.7%
Tiền và tương đương tiền	94.7	107	-11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.3	21.1	-4.2%
Phải thu ngắn hạn	1,759	1,457	20.8%
Hàng tồn kho	114	125	-8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	8.80	16.5	-46.8%
Tài sản dài hạn	4,993	4,865	2.6%
Phải thu dài hạn	4,730	4,602	2.8%
Tài sản cố định	0.20	0.56	-63.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	218	215	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	45.0	47.5	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,704	1,371	24.2%
Nợ ngắn hạn	908	780	16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	528	443	19.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.51	22.1	-66.1%
Nợ dài hạn	796	591	34.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	796	590	34.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,286	5,220	1.3%
Vốn chủ sở hữu	5,286	5,220	1.3%
Vốn điều lệ	4,494	4,494	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	114	100	146	136	237
Giá vốn hàng bán	98.0	79.0	99.9	97.8	211
Lợi nhuận gộp	15.9	21.4	46.5	37.8	25.6
Doanh thu HĐTC	59.0	59.1	56.7	51.9	50.8
Chi phí TC	33.2	36.6	49.5	38.1	36.9
Chi phí lãi vay	27.5	30.9	32.4	34.1	37.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.9	14.0	13.4	17.5	13.9
Chi phí QLDN	9.14	9.98	10.3	11.8	9.76
LN thuần từ HĐKD	19.6	19.9	30.1	22.3	15.8
Lợi nhuận khác	-2.64	-0.44	-3.54	0.59	-0.17
LN trước thuế	17.0	19.4	26.6	22.9	15.7
Lợi nhuận sau thuế	13.0	15.4	20.5	18.2	12.3
LNST của CĐ cty mẹ	13.0	15.4	20.5	18.2	12.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-79.9	-75.1	-210	-117	-175
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.6	83.7	10.8	90.9	88.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	125	48.2	110	8.50	124
Tiền đầu kỳ	29.4	107	164	74.3	57.0
Lưu chuyển tiền thuần	77.6	56.7	-89.4	-17.3	37.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	107	164	74.3	57.0	94.7

(Nguồn: fireant.vn)